

...Q1., ngày 2. tháng ...04.. Năm...2022.

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÍ 1/ 2022

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90./2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Tiểu Học Nguyễn Thái Bình công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý năm 2022 theo Quyết định số 05 /QĐ-NTB ngày 01-04-2022 như sau:

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2022	ĐV tính: đồng	
				Ước thực hiện Dự toán Quý 1/ 2022(tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1/2022 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu				
I	Số thu phí, lệ phí	0	0		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	4.444.020.000	560.655.660	13	
	1. Thu sự nghiệp khác	4.373.520.000	560.655.660	13	
	- Tiền phục vụ bán trú	2.214.000.000	210.300.000	9	
	- Tiền vệ sinh bán trú	369.000.000	36.062.500	10	
	- Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	123.000.000	105.900.000	86	
	- Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày	769.500.000	80.062.500	10	
	- Tiền tổ chức lớp tự chọn - Tin học	307.800.000	49.410.000	16	
	- Tiền tổ chức lớp học tăng cường ,tự chọn Tiếng Anh	90.000.000	17.987.500	20	
	- Tiền tổ chức lớp học Tiếng Anh(người nước ngoài)	140.220.000	12.053.160	9	
	- Tiền tổ chức chương trình ngoại khóa, các môn năng khiếu	360.000.000	48.880.000	14	
	2. Thu cung ứng dịch vụ:	70.500.000	0	0	
	- Tiền cho thuê mặt bằng(Trạm phát sóng VNPT)	22.500.000	0	0	
	- Tiền cho thuê mặt bằng(Cantin)	45.000.000	0	0	
	- Lãi gửi ngân hàng	3.000.000	0	0	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.889.000.000	1.238.512.714		
	Chi thường xuyên:				
1	Từ NSNN:	7.763.000.000	1.175.512.714	15	
	Chi thanh toán cá nhân	4.555.691.000	1.156.852.883	25	
	Chi tiền lương	2.278.504.000	636.125.704	28	
	- Lương theo ngạch, bậc	2.225.044.000	604.567.504	27	
	- Lương theo hợp đồng :	53.460.000	31.558.200	59	
	- Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng				
	Phụ cấp lương	1.449.576.000	341.705.253	24	
	- Phụ cấp chức vụ	39.204.000	12.963.000	33	
	- Chi PC làm thêm giờ	104.097.000		0	
	- Chi PC ưu đãi nghề	741.272.000	213.353.529	29	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2022	Ước thực hiện Dự toán Quý 1/2022 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1/2022 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Chi PC trách nhiệm	7.260.000	2.235.000	31	
	- Chi PC độc hại (Thư viện)	1.452.000	447.000	31	
	- Chi PC thâm niên nhà giáo	556.291.000	112.706.724	20	
	- Chi PC thâm niên vượt khung			0	
	Chi Học bổng học sinh sinh viên	9.470.000	0	0	
	Hỗ trợ chi phí học tập	4.150.000	0	0	
	Miễn giảm HP theo NĐ 86	5.320.000	0	0	
	Các khoản đóng góp	675.390.000	179.021.926	27	
	Bảo hiểm xã hội	502.950.000	133.314.201	27	
	Bảo hiểm y tế	86.220.000	22.853.864	27	
	Kinh phí công đoàn	57.480.000	15.235.907	27	
	Bảo hiểm thất nghiệp	28.740.000	7.617.954	27	
	Thanh toán khác cho cá nhân	142.751.000	0	0	
	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ			0	
	Chi hỗ trợ GV dạy hòa nhập khuyết tật	113.547.000		0	
	Trợ cấp, phụ cấp khác	29.204.000		0	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	174.930.000	18.659.831	11	
	Thanh toán Dịch vụ công cộng	136.000.000	12.685.831	9	
	Tiền điện	96.000.000	4.743.446	5	
	Tiền nước	20.000.000	3.332.745	17	
	Tiền vệ sinh môi trường	20.000.000	4.609.640	23	
	Vật tư văn phòng	15.530.000	0	0	
	Văn phòng phẩm	15.530.000	0	0	
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng				
	Thông tin Tuyên truyền liên lạc	5.400.000	1.474.000	27	
	Cước phí điện thoại				
	Cước phí bưu chính				
	Thuê bao cáp truyền hình				
	Cước phí internet, đường truyền mạng				
	Tuyên truyền, sách báo tạp chí	5.400.000	1.474.000	27	
	Chi phí hội nghị:	0			
	Chi phí khác				
	Công tác phí	18.000.000	4.500.000	25	
	Khoản công tác phí	18.000.000	4.500.000	25	
	Chi hỗ trợ, giải quyết việc làm	0	0		
	Chi TC thôi việc		0		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	186.379.000	0	0	
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng				
	Nhà cửa	99.926.000			
	Các thiết bị công nghệ thông tin				
	Tài sản và thiết bị văn phòng				
	Đường điện cấp thoát nước				
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	86.453.000			
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	100.000.000	0	0	
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng				
	Tài sản và thiết bị văn phòng				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2022	Ước thực hiện Dự toán Quý 1/2022 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1/2022 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Các thiết bị công nghệ thông tin	100.000.000			
	Tài sản và thiết bị khác				
	Chi phí thuê mướn khác	0	0		
	Thuê mướn phương tiện vận tải				
	Thuê lao động trong nước				
	Thuê đào tạo lại cán bộ				
	Chi phí thuê mướn khác				
	Chi lập các quỹ	0			
	Quỹ phúc lợi				
	Quỹ khen thưởng				
	Quỹ phát triển HDSN				
	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập				
2	Từ nguồn thu sự nghiệp:	4.444.020.000	385.870.798	9	
	Chi thanh toán cá nhân	2.282.240.000	297.056.134	13	
	Chi tiền lương	1.323.460.000	162.264.471	12	
	- Lương theo ngạch, bậc			0	
	- Lương theo hợp đồng :		440.071	0	
	- Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	1.323.460.000	161.824.400	12	
	Phụ cấp lương				
	- Phụ cấp chức vụ				
	- Chi PC làm thêm giờ				
	- Chi PC ưu đãi nghề				
	- Chi PC trách nhiệm				
	- Chi PC độc hại (Thư viện)				
	- Chi PC thâm niên nhà giáo				
	- Chi PC thâm niên vượt khung				
	Các khoản đóng góp	158.780.000	21.106.163	13	
	Bảo hiểm xã hội	122.704.000	17.179.435	14	
	Bảo hiểm y tế	26.604.000	2.945.046	11	
	Kinh phí công đoàn	2.460.000		0	
	Bảo hiểm thất nghiệp	7.012.000	981.682	14	
	Thanh toán khác cho cá nhân	800.000.000	113.685.500	14	
	Trợ cấp, phụ cấp khác	800.000.000	113.685.500	14	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	216.400.000	12.086.469	6	
	Thanh toán Dịch vụ công cộng	132.000.000	5.762.358	4	
	Tiền điện	60.000.000	2.914.358	5	
	Tiền nước	60.000.000		0	
	Tiền vệ sinh môi trường	12.000.000	2.848.000	24	
	Vật tư văn phòng	30.000.000	0	0	
	Văn phòng phẩm	20.000.000		0	
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	10.000.000		0	
	Thông tin Tuyên truyền liên lạc	32.400.000	6.324.111	20	
	Cước phí điện thoại	2.400.000	90.314	4	
	Cước phí bưu chính		53.797		
	Thuê bao cấp truyền hình	1.600.000	1.560.000	98	
	Cước phí internet, đường truyền mạng	2.000.000	4.620.000	231	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2022	Ước thực hiện Dự toán Quý 1/2022 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1/2022 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Tuyên truyền, sách báo tạp chí	26.400.000		0	
	Chi phí hội nghị:	10.000.000	0	0	
	Chi phí khác	10.000.000		0	
	Công tác phí	12.000.000	0	0	
	Khoản công tác phí	12.000.000		0	
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	332.300.000	13.875.000	4	
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	42.300.000	5.035.000	12	
	Nhà cửa	50.000.000		0	
	Các thiết bị công nghệ thông tin	60.000.000		0	
	Tài sản và thiết bị văn phòng	10.000.000	5.540.000	55	
	Đường điện cấp thoát nước	20.000.000		0	
	Đường sá, cầu cống, bến cảng sân bay		3.300.000		
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	150.000.000		0	
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	510.000.000	18.701.195	4	
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	20.000.000		0	
	Tài sản và thiết bị văn phòng	20.000.000		0	
	Các thiết bị công nghệ thông tin	60.000.000		0	
	Tài sản và thiết bị khác	50.000.000		0	
	Chi mua hàng hóa, vật tư	280.000.000	18.701.195	7	
	Mua ăn chi, pho to tài liệu			0	
	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	20.000.000		0	
	Chi phí hoạt động chuyên môn của ngành	60.000.000		0	
	Chi phí thuê mướn khác	270.000.000	43.130.000	16	
	Thuê mướn phương tiện vận tải			0	
	Thuê lao động trong nước		43.130.000	0	
	Thuê đào tạo lại cán bộ			0	
	Chi phí thuê mướn khác	270.000.000		0	
	Chi không thường xuyên:	215.880.000	64.022.000	30	
1	Từ NSNN:	126.000.000	63.000.000	50	
	Chi mua Hàng hóa vật tư				
	Chi mua sắm TSCĐ				
	Chi sửa chữa TSCĐ				
	Chi thực hiện chương trình đào tạo				
	Chi thực hiện các CTMTQG				
	Chi thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước đặt hàng				
	Chi thực hiện tình gián biên chế (nếu có)				
	Chi ĐTXDCB				
	Chi đối ứng các dự án				
	Chi khác (nếu có) (chi tiết từng nội dung)				
	- Trợ cấp Tết	103.500.000	63.000.000	61	
	- Trợ cấp Phó Tổng Phụ trách Đội	22.500.000		0	
2	Từ nguồn thu sự nghiệp:	89.880.000	1.022.000		
	Chi thực hiện chương trình đào tạo				
	Chi mua sắm, sửa chữa				
	Chi nộp thuế	89.880.000	1.000.000	1	
	Chi phí ngân hàng		22.000	0	
3	Chi CNTT theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND	3.043.280.000	0		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2022	Ước thực hiện Dự toán Quý 1/2022 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1/2022 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Từ nguồn CCTL NSNN cấp	2.746.000.000			
	- Từ nguồn CCTL từ nguồn thu SN	297.280.000			
	PHÂN PHỐI KINH PHÍ TIẾT KIỆM ĐƯỢC TỪ KHOẢN CHÊNH LỆCH THU LỚN HƠN CHI	445.920.000	0		
	Trích CCTL theo quy định				
	Chi thu nhập tăng thêm				
	Trích lập các quỹ	445.920.000			
	Quỹ phúc lợi	222.960.000			
	Quỹ khen thưởng	111.480.000			
	Quỹ phát triển HDSN	111.480.000			
	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập				
	TỔNG CỘNG CHI	12.333.020.000	1.624.383.512		

Lập Bảng



Nguyễn Thị Kim Loan

Ngày 2 tháng 04 năm 2022

Hiệu Trưởng



Phạm Ngọc Hiếu